TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/10/2019
V/v: **"**Ly hôn**"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Văn Tuấn**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trương Thị Lệ Thanh**.
2. Ông **H Văn Đông**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đinh Tiên H**, sinh năm: 1990.
Địa chỉ: Số 182, tổ 3, khu phố Hiệp Lực, TT.Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Chị **Đặng Thị Hồng T**, sinh năm: 1995.
HKTT: Số 182, tổ 3, khu phố Hiệp Lực, TT.Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ liên hệ: Số 120/3/22 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Anh H và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019, bản tự khai ngày 29/7/2019 nguyên đơn anh Đinh Tiên H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/7/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải vã nhau, đời sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay anh H không còn tình cảm với chị T nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Đinh H K, sinh ngày 25/02/2012 khi ly hôn anh H đồng ý giao cháu Khang cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi có bản án có hiệu lực của Tòa án đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/9/2019 anh H đã nộp đơn xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và xét xử.

Ngoài ra, anh H không trình bày gì thêm và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Tại bản tự khai ngày 10/9/2019 bị đơn chị Đặng Thị Hồng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/7/2013. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, nay chị T không còn tình cảm với anh H vì vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy chị T đồng ý ly hôn với anh Đinh Tiên H.

- Về con chung: Đinh H K, sinh ngày 25/02/2012 khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000đ/tháng của anh H. Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi có bản án có hiệu lực của Tòa án đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/9/2019 chị T đã nộp đơn xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và xét xử.

Ngoài ra, chị T không trình bày gì thêm và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Căn cứ Công văn số 141/CV – VKS – DS ngày 07/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được quan điểm và ý kiến trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Đặng Thị Hồng T có nơi cư trú tại khu phố Hiệp Lực, TT.Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Đinh Tiên H khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách của đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Đinh Tiên H là nguyên đơn, chị Đặng Thị Hồng T là bị đơn.

[4] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh H và bị đơn chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND TT.Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/7/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp (bút lục số 07).

Xét yêu cầu khởi kiện của anh H: Anh H xin ly hôn với chị T vì lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị T cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như trên. Mặt khác vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 và cả hai đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đồng ý ly hôn với anh H (bút lục số 22, 23).

Qua xem xét lời trình bày của anh H và chị T có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh, chị thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị T cũng đồng ý ly hôn với anh H. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng anh H đã có mâu thuẫn, không còn khả năng đoàn tụ vợ chồng, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, giải quyết cho anh H được ly hôn với chị T theo Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Đinh H K, sinh ngày 25/02/2012 khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và anh H cũng đồng ý giao con cho chị T. Mặt khác hiện nay cháu K đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu K cũng có nguyện vọng được chung sống với chị T nên tiếp tục giao cháu K cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi có bản án có hiệu lực của Tòa án đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Tiên H. Anh Đinh Tiên H được ly hôn với chị Đặng Thị Hồng T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh H Khang, sinh ngày 25/02/2012 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi có bản án có hiệu lực của Tòa án đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Anh H và chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đinh Tiên H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 0002389 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được tính trừ vào số tiền án phí anh H phải chịu. Anh H phải nộp tiếp số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Anh Đinh Tiên H và chị Đặng Thị Hồng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND TT.Đ, huyện Đ;
- Lưu.

Trần Văn Tuấn

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Trần Văn Tuấn